



Universiteit  
Leiden  
The Netherlands

## **Uses and conservation of plant diversity in Ben En National Park, Vietnam**

Hoang, V.S.

### **Citation**

Hoang, V. S. (2009, April 8). *Uses and conservation of plant diversity in Ben En National Park, Vietnam*. Retrieved from <https://hdl.handle.net/1887/13720>

Version: Corrected Publisher's Version

License: [Licence agreement concerning inclusion of doctoral thesis in the Institutional Repository of the University of Leiden](#)

Downloaded from: <https://hdl.handle.net/1887/13720>

**Note:** To cite this publication please use the final published version (if applicable).

## TÓM TẮT

Luận án này là kết quả nghiên cứu về sử dụng và bảo tồn đa dạng Thực vật ở Vườn quốc gia Bến En, Việt Nam - một trong 30 vườn quốc gia của Việt Nam. Trong đó tập trung vào nghiên cứu đa dạng loài, thảm thực vật, giá trị sử dụng, tình trạng bảo tồn, vai trò của tài nguyên Thực vật tới cuộc sống người dân, cũng như những tác động của người dân và một số nhân tố môi trường đến hệ Thực vật. Dựa vào những kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra những kiến nghị nhằm quản lý tốt hơn vườn quốc gia Bến En nói riêng cũng như các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên khác tại Việt Nam hay trong khu vực và trên thế giới.

### **Đa dạng sinh học Thực vật tại Việt Nam (Chương 2)**

Việt Nam là nước giàu về đa dạng sinh học (Thिन 1997). Đa dạng sinh học của Việt Nam đứng thứ 16 trên thế giới (WCMC 1992). Tuy nhiên diện tích rừng ở Việt Nam đã bị suy giảm nhiều trong 6 thập kỷ qua (Chien 2006). Hệ Thực vật Việt Nam rất đa dạng và phong phú, với ghi nhận lên tới 11.373 loài, thuộc 224 chi, 378 họ và 7 ngành, trong đó khoảng 28% số loài đặc hữu (Thिन 1997). Nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên rừng giàu tính đa dạng nhưng đang bị đe dọa, Chính phủ Việt Nam đã thành lập hệ thống rừng đặc dụng trên cả nước (Tai 1995; Chien 2006). Đến nay 126 khu rừng đặc dụng trên cả nước đã được thành lập, với tổng diện tích 2.54 triệu ha, chiếm 7.7% diện tích của cả nước.

### **Đa dạng sinh học Thực vật tại Vườn quốc gia Bến En (Chương 2)**

Hệ Thực vật vườn quốc gia Bến En bao gồm 6 ngành với tổng số 1389 loài Thực vật có mạch thuộc 650 chi, 173 họ. Cùng với những nghiên cứu trước đây tại Vườn Bến En thì tổng số loài Thực vật có mạch có thể lên tới khoảng 1600 loài.

Nghiên cứu này đã bổ sung 3 loài mới cho hệ Thực vật Việt Nam đó là: Đậu khấu Bến En - *Myristica yunnanensis* Y.H.Li (Myristicaceae) (Hoang 2008 a), Xâm cánh Bến En - *Glyptopetalum sclerocarpum* (Kurz) M.A. Lawson, (Celastraceae) (Hoang 2008 b), và Găng Bến En *Timonius arborea* Elmer (Rubiaceae). Nghiên cứu cũng bổ sung 7 họ Thực vật, 43 chi và 252 loài Thực vật mới cho hệ Thực vật vườn quốc gia Bến En (Chương 2). Họ đa dạng nhất là họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) với 113 loài. Bên cạnh đó có tới 47 họ Thực vật chỉ có duy nhất 1 loài đại diện. Dạng sống của hệ Thực vật vườn Quốc gia Bến En với ưu thế thuộc về cây có chồi trên mặt đất (Phanerophytes) với 76% tổng số loài, tiếp đến là cây có chồi nửa ản (hemicryptophytes) 8.5 %, cây có chồi sát mặt đất (chamaephytes) 6%, cây có chồi ản (cryptophytes) 6% và cuối cùng là cây có chồi một năm (therophytes) 4%.

### **Thảm Thực vật vườn quốc gia Bến En (Chương 2)**

Trước khi được thành lập năm 1992 thì vườn Quốc gia Bến En thuộc Lâm trường Như Xuân, nên nhiều diện tích rừng ở đây đã bị tác động bởi con người (Khoi 1996;

Tordoff et al. 2000). Hiện nay, tình trạng khai thác gỗ trái phép vẫn còn xảy ra (Tordoff et al. 2000).

Thảm thực vật tại Vườn quốc gia Bến En được chia làm 2 kiểu rừng chính là: Rừng nhiệt đới thường xanh trên núi đá vôi và rừng nhiệt đới thường xanh trên núi đất. Mỗi trạng thái rừng được chia ra 3 loại phụ tùy theo mức độ tác động của người dân địa phương đó là: Rừng ít bị tác động, rừng bị tác động nhiều và trảng cây bụi. Bên cạnh đó tại vườn quốc gia Bến En còn có một số diện tích nhỏ rừng nguyên sinh chưa bị tác động ở những địa điểm nguy hiểm khó tiếp cận. Ngoài ra còn có khoảng 650 ha đất nông nghiệp, 110 ha rừng trồng và 3.800 ha rừng tre nứa hỗn giao với cây gỗ.

### **Giá trị bảo tồn tài nguyên Thực vật (Chương 2)**

Tài nguyên Thực vật vườn quốc gia Bến En không chỉ đa dạng về thành phần loài, dạng sống và thảm thực vật mà còn có giá trị bảo tồn cao. Nghiên cứu đã đưa ra tổng số 29 loài tại vườn quốc gia Bến En có tên trong danh lục đỏ IUCN năm 2006, 42 loài có tên trong sách đỏ Việt Nam năm 2007. Bên cạnh đó, dựa vào kết quả điều tra thực địa, kết quả phỏng vấn người dân địa phương và kiểm lâm trong vườn, chúng tôi đưa ra 89 loài đang bị đe dọa trong phạm vi của vườn (chúng tôi gọi những loài này là Danh lục đỏ Bến En).

### **Đa dạng về giá trị sử dụng Thực vật Vườn quốc gia Bến En (Chương 3 & 4)**

Qua điều tra và phỏng vấn 135 hộ gia đình trong khu vực nghiên cứu, chúng tôi xác định được 386 loài Thực vật được sử dụng bởi người dân địa phương, trong đó có 52 loài là cây đa tác dụng.

Nhóm thực vật có giá trị làm thuốc chiếm ưu thế với 230 loài thuộc 200 chi, 84 họ và được sử dụng để điều trị 68 bệnh khác nhau cho người dân địa phương khu vực vườn quốc gia Bến En (Chương 3). Với 56% tổng số loài được người dân sử dụng làm thuốc thu hái từ rừng tự nhiên. Lá, thân và rễ là các bộ phận chính của cây được người dân sử dụng để chữa bệnh. Về giới tính, phụ nữ có kiến thức tốt về cây thuốc hơn là nam giới và họ cũng tham gia thu hái cây thuốc từ rừng nhiều hơn nam ở mọi lứa tuổi. Qua điều tra chúng tôi cũng nhận ra rằng kiến thức bản địa của người dân về sử dụng thực vật làm thuốc đang bị suy giảm và có thể mất đi trong tương lai, bởi 43% số người trẻ được phỏng vấn không biết, hoặc không muốn học hỏi về chuyên môn này. Hơn nữa người dân nơi đây đang có xu hướng thích sử dụng thuốc tây để chữa bệnh (chương 3).

Số hộ gia đình sử dụng nhiều loài cây thuốc trong khu vực nghiên cứu để chữa bệnh không nhiều, trung bình một hộ gia đình sử dụng 25 loài cây thuốc. Trong khi đó khoảng 68% số loài được sử dụng bởi dưới 25% hộ gia đình. Khi so sánh giá trị sử dụng cây thuốc ở Bến En với một số nước khu vực Đông Nam Á và châu Á, chúng tôi nhận thấy rằng cùng một loài cây nhưng ở những địa điểm khác nhau, truyền

thống văn hóa và dân tộc khác nhau thì người dân có thể sử dụng để chữa các bệnh khác nhau (chương 3).

Bên cạnh 230 loài được người dân sử dụng làm thuốc, 208 loài được người dân sử dụng vào các mục đích khác (ngoài giá trị làm thuốc) (Chương 4), trong đó có 52 loài là cây đa tác dụng (Chương 3 & 4). Phần lớn các loài được sử dụng làm thức ăn. Trái ngược với nhóm thực vật có giá trị làm thuốc, trong nhóm này đàn ông tham gia thu hái nhiều hơn phụ nữ ở hầu hết mọi lứa tuổi.

Tài nguyên Thực vật không chỉ quan trọng đối với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân địa phương mà nó còn góp phần quan trọng nâng cao thu nhập của các hộ gia đình. Qua điều tra, chúng tôi thống kê được tổng số 56 loài với giá trị thương mại trong khu vực nghiên cứu và đóng góp 23% tổng thu nhập trung bình của các hộ gia đình. *Schizostachyum funghomii* (Poaceae), *Spatholobus suberectus* (Fabaceae), và *Amomum villosum* (Zingiberaceae) là những loài quan trọng đối với thu nhập cho người dân. Giá trị kinh tế của tài nguyên Thực vật có thể còn cao hơn nhiều so với thu nhập mà người dân có được do bán các sản phẩm này, bởi những đóng góp hàng ngày vào cuộc sống của người dân chưa được tính tới.

Kiến thức bản địa trong việc sử dụng tài nguyên Thực vật giữa các dân tộc trong khu vực nghiên cứu là cơ bản giống nhau, bởi các dân tộc sống cùng nhau trong bản/thôn. Tuy nhiên những hộ có đông thành viên thì sử dụng nhiều loài hơn những gia đình có ít người. Qua nghiên cứu chúng tôi phát hiện ra những loài còn phong phú trong tự nhiên thì có chỉ số sử dụng (UI) cao hơn những loài có ít số lượng cá thể. Rất tiếc việc sử dụng tài nguyên Thực vật tại vườn Quốc gia Bến En hiện nay là không bền vững. Những loài quý hiếm, bị đe dọa và có giá trị kinh tế cao có nguy cơ bị tuyệt chủng nếu không có những biện pháp bảo tồn kịp thời.

#### **Tác động của con người và môi trường tới đa dạng thực vật (Chương 5)**

Con người và môi trường có ảnh hưởng không lớn tới thành phần loài tại vườn Quốc gia Bến En. Tuy nhiên, ảnh hưởng của người dân địa phương có tác động tiêu cực tới mật độ cây trong rừng, đặc biệt là các loài cây gỗ quan trọng, cây có giá trị sử dụng và những loài trong Danh lục đỏ, cho dù chỉ số đa dạng sinh học không thay đổi. Sự tác động của con người và các nhân tố môi trường (chủ yếu là đất) lên cấu trúc rừng và thành phần loài thực vật là độc lập nhau. Các nhân tố môi trường phản ánh 5.7% cấu trúc và thành phần loài thực vật, trong khi những tác động của con người phản ánh 4.4%.

Nghiên cứu kết luận rằng thành phần loài và cấu trúc rừng ở khu vực ít bị tác động có sự khác biệt rõ rệt với những nơi bị tác động nhiều. Ngoài ra nghiên cứu còn chỉ ra rằng mật độ cây gỗ nhỏ ở rừng núi đá vôi cao hơn trên núi đất.

Mật độ cây gỗ, cây có giá trị sử dụng, đặc biệt là cây gỗ quan trọng càng cao hơn ở những khu vực càng xa khu dân cư và đường khai thác cũ. Bên cạnh đó số loài trong

Danh lục đồ và trữ lượng gỗ cũng cao hơn ở rừng ít bị tác động so với rừng bị tác động mạnh. Đồng thời nghiên cứu cũng khẳng định rằng áp lực của người dân địa phương lên tài nguyên thực vật càng lớn ở những diện tích gần khu vực dân cư.

### **Kiến nghị**

Mặc dù nhiều diện tích rừng ở vườn Quốc gia Bến En bị tác động bởi con người. Tuy nhiên tài nguyên Thực vật ở đây còn rất phong phú và đáng được quan tâm bảo tồn. Vì vậy việc cần thiết phải làm để bảo tồn tài nguyên thực vật là hạn chế tối đa việc khai thác gỗ trái phép.

Để giảm áp lực của người dân địa phương lên tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học cũng như kiến thức bản địa của người dân địa phương, đồng thời sử dụng bền vững tài nguyên thực vật thì cần thiết phải hỗ trợ người dân địa phương cả về tài chính cũng như hướng dẫn họ về kỹ thuật để gây trồng những loài cây hữu ích, đặc biệt là có giá trị kinh tế cao trong đất vườn và đất được giao sử dụng lâu năm của họ.

Bên cạnh đó cũng cần có những nghiên cứu sâu hơn về mối tương quan giữa người dân địa phương tới những loài bị đe dọa và những loài hữu ích trong khu vực vườn Quốc gia Bến En. Đồng thời người dân địa phương, đặc biệt là những người trẻ tuổi cần được khuyến khích sử dụng cây thuốc để chữa bệnh, nếu không kiến thức bản địa quý giá đó sẽ bị mai một và mất hẳn trong thời gian tới (chương 3).

Cuối cùng một chương trình làm giàu rừng là cần thiết cho những khu vực bị tác động mạnh, trồng cây bụi và khu vực vùng đệm. Trong chương trình này nên trồng những loài cây gỗ đặc trưng của vườn Bến En, những loài cây đa tác dụng và những loài đang bị đe dọa.